

Số: 269 /YCBG-BV

Đông Hưng, ngày 04 tháng 07 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hoá chất, vật tư y tế năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng

Địa chỉ: Tổ 2, Thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sỹ Vũ Thị Thoan- Phụ trách khoa Dược

Số điện thoại: 0962639175

Email: vuthoan.dsdh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá (một trong 2 cách sau) :

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng

Địa chỉ: Tổ 2, Thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

- Nhận qua email: vuthoan.dsdh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 10 tháng 7 năm 2023 đến trước 17h ngày 20 tháng 7 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 kể từ ngày 20 tháng 07 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất, vật tư y tế (gọi chung là trang thiết bị y tế).
(Có Phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm giao hàng: Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng
Tổ 2, Thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng

4. Các thông tin khác

- Giá đã chào bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển và giao hàng tận nơi.



- Hình thức gửi chào giá: Bản giấy hoặc bản scan (có đầy đủ chữ ký và đóng dấu đỏ người đại diện pháp luật của công ty).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CNTT (đăng tải);
- Lưu: KD, VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Tín Trung





PHỤ LỤC

Danh mục hoá chất, vật tư y tế yêu cầu báo giá năm 2023

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 260 /YC-BV ngày 04 tháng 7 năm 2023)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm	Thanh định danh chứa hóa chất đông khô định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
2	Hóa chất định danh 20E	Hóa chất định danh 20E gồm 6 ống hóa chất JAMES, NIT1, NIT2, VP1, VP2, TDA. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
3	Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột	Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột (streptococci và enterococci), gồm: tối thiểu 20 giếng chứa hóa chất đông khô và môi trường API GP. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
4	Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria	Thanh định danh gồm tối thiểu 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và môi trường API Staph. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
5	Hóa chất VP1 và VP2 dùng cho bộ định danh vi khuẩn API tụ cầu và API liên cầu	Thành phần chứa Potassium hydroxide và α -naphthol dùng định danh vi khuẩn API tụ cầu và API liên cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp
6	Hóa chất NIT 1 và NIT 2 dùng cho bộ định danh vi khuẩn kèm API tụ cầu	Thành phần chứa Axit sulfanilic và N,N-dimethyl-1-naphthylamine dùng định danh vi khuẩn kèm API tụ cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp
7	Hóa chất NIN dùng cho bộ định danh vi khuẩn kèm API liên cầu	Thành phần hóa chất chứa Ninhydrin, Methanol, Dimethylsulfoxide tương thích với API Strep để định danh vi khuẩn API liên cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1	Hộp
8	Hoá chất ZYM B dùng cho bộ định danh vi khuẩn API tụ cầu và liên cầu	Thành phần hóa chất chứa Methanol và Dimethylsulfoxide dùng định danh vi khuẩn API tụ cầu và liên cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
9	Hoá chất ZYM A dùng cho bộ định danh vi khuẩn API tụ cầu và liên cầu	Thành phần hóa chất chứa Tris-hydroxymethyl-aminomethane, Hydrochloric acid, Natri lauryl sulfate dùng định danh vi khuẩn API tụ cầu và liên cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
10	Môi trường thạch máu cừu	- Đĩa thạch dùng sẵn, thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C, chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. -Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	55	Hộp
11	Môi trường thạch Chocolate	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophiluss. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, defibrinated sheep blood, MultiVitox, Agar, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	60	Hộp
12	Môi trường phân lập và phát hiện vi sinh vật chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu (Brilliance Uti Agar)	Đĩa thạch dùng sẵn, thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ±0.2 ở 25°C; được sử dụng phân lập và phát hiện các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	30	Hộp
13	Môi trường phát hiện, phân lập và đếm số lượng Coliforms và vi khuẩn đường ruột khác	Đĩa thạch dùng sẵn, thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1±0.2 ở 25°C. Môi trường để phân lập và phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	30	Hộp
14	Môi trường pha sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc.	Đĩa thạch dùng sẵn, thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Sodium chloride, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C, được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	35	Hộp
15	Mueller-Hinton Agar + 5% máu cừu	Đĩa thạch dùng sẵn, thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Sodium chloride, Sheep Blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	35	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
16	Khoanh kháng sinh Cefotaxime	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Cefotaxime. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp
17	Khoanh kháng sinh Ceftazidime	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Ceftazidime. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3	Hộp
18	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcohol-acetone) và Safranin. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5	Bộ
19	Ông canh thang BHI Broth	Ông nhựa trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa môi trường lỏng dạng ống dùng sẵn dùng để bảo quản vi sinh vật, Thành phần: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Sodium chloride, Proteose peptone, Glucose, Disodium phosphate, Glycerol, Deion Water, pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	4	Hộp
20	Khoanh giấy kháng sinh Azithromycin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Azithromycin. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp
21	Khoanh giấy kháng sinh Penicillin G	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Penicillin G. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3	Hộp
22	Khoanh giấy kháng sinh Cefuroxim	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Cefuroxim. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3	Hộp
23	Khoanh giấy kháng sinh Cefazolin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Cefazolin. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
24	Khoanh giấy kháng sinh Amoxicillin/Clavulanic Acid	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Amoxicillin + Clavulanic Acid. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3	Hộp
25	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin+Sulbactam	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Ampicillin+Sulbactam. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
26	Khoanh giấy kháng sinh Erythromycin	Khoanh giấy đường kính 6mm, được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Erythromycin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp
27	Khoanh giấy kháng sinh Clindamycin	Khoanh giấy đường kính 6mm, được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Clindamycin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3	Hộp
28	Khoanh giấy kháng sinh Vancomycin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Vancomycin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
29	Khoanh giấy kháng sinh Gentamicin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Gentamicin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp
30	Khoanh giấy kháng sinh Amikacin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Amikacin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
31	Khoanh giấy kháng sinh Ciprofloxacin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Ciprofloxacin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
32	Khoanh giấy kháng sinh Ofloxacin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Ofloxacin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
33	Khoanh giấy kháng sinh Levofloxacin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Levofloxacin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
34	Khoanh giấy kháng sinh Sulphamethoxazole/ trimethoprim	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Sulphamethoxazole/ trimethoprim chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4	Hộp
35	Khoanh giấy kháng sinh Oxacillin	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Oxacillin chính xác. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
36	Khoanh giấy kháng sinh Ceftriaxon	Khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng chính xác kháng sinh Ceftriaxon. Hộp 250 khoanh giấy Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3	Hộp
37	Khoanh giấy phát hiện khả năng sinh Enzym cytochrome oxydase	Khoanh giấy tẩm N,N,N',N'-tetramethyl-1,4-phenylenediamine phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase (Oxidase) ở vi khuẩn, đường kính 6mm. Hộp 250 khoanh giấy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
38	Khoanh giấy Imipenem	Khoanh giấy được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Imipenem, đường kính 6mm. Hộp 250 khoanh giấy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Hộp
39	Khoanh giấy Bacitracin	Khoanh giấy được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh Bacitracin, đường kính 6mm. Hộp 250 khoanh giấy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1	Hộp
40	Khoanh giấy XV	Khoanh giấy tẩm yếu tố tăng trưởng X (haemin) & V (coenzyme I) để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus. Hộp 250 khoanh giấy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1	Hộp
41	Hoá chất nhuộm Giemsa	-Thành phần: K53Methanol:50%; Glycerol: 50%Phosphate buffer pH 7.2: 8 x 25 mL. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Lít
42	Dung dịch tiệt trùng quả lọc trong thận nhân tạo	Thành phần Acid peracetic: 4.2% Acid acetic: 4.9% Hydrogen peroxide: 30% Công dụng diệt vi khuẩn, diệt nấm, diệt bào tử, diệt virus, tẩy trùng dùng trong thận nhân tạo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50	Can
43	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hay tương đương	10	Lọ
44	Que thử nồng độ axit Peracetic trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để thử "hiệu lực", "hiệu năng" hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hay tương đương	5	Lọ
45	Que thử hàm lượng clo trong nước chạy thận nhân tạo	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hay tương đương	5	Lọ
46	Que thử tồn dư Peroxide trong nước	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm Thời gian nhúng: 2 giây Thời gian đọc kết quả: 15 giây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hay tương đương	5	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
47	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc B (Bicarbonat)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,0 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	25.000	Lít
48	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc A (Acid)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g - Calci clorid.2H ₂ O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H ₂ O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Dextrose monohydrat: 38,50 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	12.000	Lít
49	Kim chạy thận nhân tạo	- Kim AVF 16G*1 cánh không xoay. Chiều dài dây tối thiểu 30cm, làm bằng nhựa PVC không chứa chất phụ gia DEHP, Đường kính ngoài: 1.660-1.640mm; Độ dày thành: 0.110-0.090mm, mặt trong dây trơn láng ngăn chặn máu đông tụ. - Kích thước kim 16G dài 25mm, thành mỏng, đầu kim sắc nhọn, mặt sau ở đầu kim có lỗ oval (backeye) để tránh làm tổn thương mô, dùng chung cho động mạch và tĩnh mạch. - Trục kim cố định không xoay. Có đầu nối Luer phù hợp với ISO 80369-7 kết nối được với tất cả các loại dây chạy thận. - Phân biệt cỡ kim theo màu sắc của cánh kim, nhận diện cánh xoay hoặc cánh không xoay qua mã sản phẩm ghi trên bao bì. - Đóng gói từng cái (một mặt giấy, một mặt trong suốt) nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO rất an toàn trước sử dụng. Tiết trùng bằng EO gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hay tương đương.	30.000	Cái
50	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	1. Dây động mạch gồm tối thiểu: - Dây dẫn máu cỡ 4,6mm x 6,8 mm dài ≥ 3600 mm - Kim tối thiểu bằng nhựa - Below chống thiếu máu trong dây dẫn - Dây bơm máu cỡ 8 mm x 12 mm dài ≥ 400 mm - Có nhánh đo áp lực trước màng - Bầu chứa loại trung 22mm 2. Dây tĩnh mạch gồm tối thiểu: - Dây dẫn máu cỡ 4,6mm x 6,8 mm dài ≥ 2900 mm - Bầu chứa loại trung 22mm có lưới lọc đường kính 0,23mm Đạt tiêu chuẩn CE và ISO 13485 – 2016 hoặc tương đương.	3.000	Bộ
51	Vật liệu trám răng Acid Etching	- Dạng gel Etching acid 37% - Làm mòn răng trước khi trám trắng, gắn phục hình... Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	15	Tuýp
52	Chất hàn tạm nha khoa	- Là vật liệu dùng để hàn tạm và điều trị nội nha.E67 - Độ cứng chắc, bám dính tốt, nhanh cứng và vẫn dễ dàng tháo gỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	15	Hộp
53	Dịch hàn ống tủy	- Dịch hàn chứa Radiopaque - Dùng kết hợp với nón gutta percha Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	10	Lọ
54	Dung dịch bôi trơn ống tủy	-Thành phần: EDTA và ure peroxide dưới dạng gel., - Dùng làm sạch và loại bỏ các chất vô cơ, loại bỏ mùn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	8	Ống
55	Guttapecha các số	Được cuốn bằng khuôn tay - Các Cone có độ thuận giống nhau, có vạch chia, có các số khác nhau - Giúp xác định chiều dài ống tủy nhanh. - Thẩm hút hoàn toàn. - Tiết kiệm thời gian. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Hộp
56	Dụng cụ đặt thuốc vào tủy răng paste carriers (Lentulo)	Sử dụng để quay xi măng hoặc thuốc vào ống tủy. Thiết kế thuận đều với phần lò xo gắn vào cán giúp giảm chấn động khi quay. Dụng cụ làm tủy răng, đầu trám thép không gỉ, cán nhựa, dài 21mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20	Vi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
57	Nhộng chày đặc các màu	Composite nhộng đặc là composite dẻo quang trùng hợp và có tính cản quang cao, thích hợp để trám thẩm mỹ cho vùng răng trước và răng sau. Ít co, lực co rất thấp. Độ kháng mài mòn cao. Dễ điêu khắc và đánh bóng. Độ bóng cao, màu sắc tự nhiên giống như răng thật. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	300	Con
58	Composite nhộng lỏng (A2,A5)	Composite lỏng thích hợp để trám lót, trám bit hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, đặc biệt là xoang V. Màu sắc đa dạng tự nhiên. Dùng kết hợp hoàn hảo cùng composite đặc để trám răng. Composite lỏng có độ cản quang cao trùng hợp trong vòng 10 giây, có độ chảy lỏng tuyệt vời có thể chạm đến những vùng khó tiếp cận nhất. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	300	Con
59	Keo Bond	- Keo dán total-etch quang trùng hợp dùng trong phục hình trực tiếp và gián tiếp. Hạt độn nano đồng nhất và thâm nhập sâu vào các ống ngà tạo lực dán bền vững với ngà răng. Dán được cho bề mặt khô hoặc ẩm. Ít gây ê buốt sau khi trám. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5	Lọ
60	Vật liệu hàn răng (Fuji 1)	Xi măng glass ionomer chứa strontium là chất gắn lý tưởng thường để gắn các phục hình kim loại thông dụng, cũng có thể được dùng để trám lót dưới các vật liệu trám. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10	Hộp
61	Vật liệu hàn răng (Fuji 2)	Vật liệu dùng để trám răng, điều trị sâu răng, hàn trước xoang I, II, cổ răng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5	Hộp
62	Kẹp răng	Chất liệu được làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Cái
63	Thám trám	Chất liệu được làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Cái
64	Gương (cán + mặt)	Cán làm bằng chất liệu được làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Cái
65	Đầu lấy cao ART	Chất liệu được làm bằng thép không gỉ, phù hợp với máy lấy cao ART	10	Cái
66	Nong dừa ống tủy các số	Chất liệu được làm bằng thép không gỉ, có các số, có chiều dài khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	300	Vi
67	Dụng cụ bẫy chân răng các loại	Chất liệu được làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6	Cái
68	Lèn ngang	Sử dụng để tạo áp lực và khoảng trống để lèn chặt cone vào trong ống tủy. Có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6	Cái
69	Matrix	Chất liệu bằng kim loại, độ mềm dẻo để uốn cong như mong muốn. Độ dày phù hợp để tái tạo tiếp xúc. Có thể hấp và tái sử dụng.	12	Cái
70	Chổi đánh bóng nha khoa	Hay còn gọi là chổi cước được sử dụng trong việc đánh bóng lại bề mặt răng, cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác.	50	Cái
71	Trâm gai (Kim gai)	Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Vi
72	Bóc tách nướu (Pakistan)	Chất liệu làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được. Cây bóc tách được sử dụng trong quá trình tiểu phẫu, nhổ răng...	5	Cây
73	Kim nha khoa	- Kim vát 2 đầu, sắc nhọn. Hai đầu kim được chế tạo tách rời: đầu kim to để lấy thuốc, đầu kim nhỏ để tiêm. Kim được chế bằng chất liệu đặc biệt có thể uốn cong 90 độ mà không gãy và tắc kim. Tiệt trùng từng chiếc. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2.500	Cái
74	Xốp cầm máu	Thành phần: Bông xốp collagen (hoặc gelatin) tan tự nhiên dùng cầm máu tại chỗ trong lĩnh vực phẫu thuật, nha khoa. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1	Hộp
75	Acid citric	Tinh thể trắng không màu, trong suốt, có vị chua đặc trưng. Hàm lượng acid citric 99,5- 100%.	100	Kg
76	Test định tính kháng nguyên mycoplasma pneumoniae	Xét nghiệm để phát hiện định tính kháng nguyên Mycoplasma pneumoniae (M. Pneumoniae) trong bệnh phẩm cổ họng người. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	200	Test
77	Test định tính kháng nguyên vi rút hợp bào đường hô hấp (RSV)	Xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút hợp bào đường hô hấp (RSV), Loại mẫu sử dụng: mẫu bệnh phẩm trong vòm mũi họng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	500	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
78	Test thử đường huyết	- Sử dụng men que thử GDH-FAD cộng 2 tín hiệu điện. Xác định HCT bằng tín hiệu điện xoay chiều (AC) và đo lượng Glucose bằng tín hiệu điện 1 chiều DC - Không bị ảnh hưởng bởi đường maltose, galactose - Khoảng đo: 0.5-38.9 mmol/L (10-700mg/dL) - Lượng mẫu máu: 1.0µL - Đối tượng sử dụng (HCT) 0-70% - Thời gian thử 5 giây - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	2.000	test
79	Bộ huyết thanh định nhóm máu ABO	Mỗi bộ gồm 3 lọ kháng thể đơn dòng Anti A, anti B, anti AB, mỗi lọ tối thiểu 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	10	Bộ
80	Parafin (nén)	Parafin thể rắn, dạng sáp màu trắng, không mùi, không vị. Không hòa tan trong nước.	100	Kg
81	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính Enzym	- Dung dịch Enzyme tinh khiết tẩy rửa dụng cụ y tế. Sử dụng được trong bồn ngâm, máy rửa khử khuẩn và máy rửa sóng siêu âm - Thành phần: Có chứa Enzymes: Protease ; < 5% chất hoạt động bề mặt không ion và anion. - PH dung dịch: 10,4-10,8 (2-10ml/l, dựa vào nước khử ion, 20 độ C) - Độ nhớt: <10 mPa s (dung dịch đặc, 20 °C). Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6	Chai
82	Dầu bôi trơn, đánh bóng dụng cụ y tế	- Xịt bảo vệ, làm sáng bóng dụng cụ có bề mặt kim loại, đặc biệt các dụng cụ có bản lề, dụng cụ phẫu thuật - Thành phần: Pparaffinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất hoạt động bề mặt không ion, khí propan / butan hóa lỏng - Tỷ trọng giá trị: 0,86 g/cm ³ , nhiệt độ 20oC Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Chai
83	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	- Dung dịch đánh tan gỉ sắt, sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm - Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion, > 30% phosphates - pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1-10%) - Độ nhớt: < 50 mPa s ((trong dung dịch đậm đặc, 20 °C) Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2	Can
84	Viên khử khuẩn	Thành phần, hàm lượng hoạt tính của Viên Ngâm Sát Khuẩn : Sodium Dichloroisocyanurate Anhydrou (NaDCC) 50% (2,5g trên viên 5g.) Công dụng: khử trùng chất thải y tế (máu, dịch và các chất thải nhiễm khuẩn ... trên dụng cụ y tế và bề mặt môi trường), khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế, khử khuẩn bề mặt tường sàn, môi trường y tế vv.. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương.	3.000	Viên
85	Test thử nước tiểu	Mục đích sử dụng: Đo 11 thông số sinh hóa của nước tiểu. Phương pháp đo: bằng các máy phân tích nước tiểu. Ký hiệu và các thông số: Cybow 11: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/NIT/URO/PRO/pH/BLO/SG/KET/BIL/GLU/ASC). Loại mẫu phẩm: Nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	36.000	Test
86	Băng dính vô trùng	Băng vô trùng trong suốt, không thấm nước. Băng dán vết thương chống thấm, không gạc. Chất liệu băng: màng polyurethane trong suốt không thấm nước ngăn vi khuẩn xâm nhập. Keo: acrylic Đóng gói vô trùng riêng từng miếng, tiệt trùng. Kích thước 5,3x7cm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1.000	Miếng
87	Băng bó bột 10 x 360cm	-Thành phần: bột thạch cao liên gạc (Thạch cao ≥ 97%, gạc 100% cotton). -Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1.080	Cuộn

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
88	Kim châm cứu	- Thân kim làm bằng thép không gỉ cao cấp, kim thẳng, tròn, dẹt, không có độ nhám bề mặt, mũi kim sắc bén. - Tay cầm kim được cuộn bằng thép không gỉ y tế cao cấp, liên kết giữa thân kim và đầu kim được cố định chắc chắn, đốc kim tròn đều và sát nhau, không sắc cạnh và màu đồng đều. - Kim được đóng gói vô trùng từng cái. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương	1.000.000	Cái
89	Bơm tiêm 1ml	- Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn - Xy lanh đầu côn, trong suốt, nhãn bóng không cong vênh, không có bavia. Vạch chia dung tích rõ nét, dung tích 1ml - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Pittông có khóa bẻ gãy để hủy. - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE hoặc tương đương.	50.400	Cái
90	Bơm tiêm 50ml	- Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn - Xy lanh đầu côn, trong suốt, nhãn bóng không cong vênh, không có bavia. Vạch chia dung tích rõ nét, dung tích 50ml - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Pittông có khóa bẻ gãy để hủy. - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP - Đóng gói riêng từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE hoặc tương đương	1.000	Cái
91	Dây truyền dịch	Dây dẫn: độ dài tối thiểu 1600mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC tráng silicon có độ đàn hồi cao, chống vặn xoắn, không gây phản ứng, không nhiễm độc. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 6 ml, có van thoát khí (van lọc khí); có thiết kế màng lọc khuẩn $0.2\mu\text{m}$ vô khuẩn. Đầu nối kim thiết kế khóa vận để khóa chặt kim (Luer lock). Kèm kim cánh bướm nhọn sắc. Tiệt trùng riêng từng bộ bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	45.000	Bộ
92	Kim lấy thuốc	Kim được làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, có nhiều số. Không gây sốt, không độc tố. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	150.000	Cái
93	Kim lase nội mạch	Kim quang dẫn được làm từ vật liệu phân tử đảm bảo mềm dẻo và linh hoạt khi sử dụng. Tiệt trùng từng cái bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1.500	Cái
94	Túi Camera	Túi bao gồm: - Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 60 cm - Túi chất liệu nylon - Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. - Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... - Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương	250	Cái
95	Đầu côn xanh	Chất liệu bằng nhựa PP, không chứa kim loại, DNase, RNase. Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm. Thể tích 1000 μl . Thiết kế vừa với pipet, bên trong không bị dính nước. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	2.000	Cái
96	Đầu côn vàng	Chất liệu bằng nhựa PP. Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm. Thể tích 200 μl . Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, bên trong không bị dính nước. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5.000	Cái
97	Mask thở oxy	Chất liệu nhựa PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. Dây dẫn dài ≥ 2 mét nối với đầu nối chung. Mặt nạ có dây đeo, điều chỉnh được độ dài dây trong quá trình sử dụng. Nhiều kích cỡ thích hợp từ trẻ sơ sinh đến người lớn. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
98	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	- Chất liệu nhựa PVC đạt tiêu chuẩn, bao gồm dây nối và gong mũi. Dây nối: dài tối thiểu 2m; Có khóa luer lock được thiết kế để nhằm điều chỉnh lưu lượng khí Oxy. - Không chứa chất DEHP, - Ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn, không bị biến đổi bởi oxy hay thuốc - Đầu ống thở mềm, có 2 nhánh ống thẳng đưa vào mũi - Có nhiều cỡ, kích thước tương thích với trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Mỗi dây được đóng vào 01 túi, được tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2.000	Cái
99	Dây nối bơm tiêm điện 30cm	- Chất liệu nhựa PVC đạt tiêu chuẩn, độ dài 30-40cm. Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector. - Không chứa chất DEHP, - Ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn, không bị biến đổi bởi thuốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	100	Cái
100	Thông (Sonde) hút nhớt các số	- Đầu nối: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, dẻo, không chứa DEHP, không có bavìa. - Dây: Mềm, dẻo, đầu dây được đột lỗ và bo tròn. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.500	Cái
101	Thông (sonde) Nelaton các cỡ	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon dùng để thông tiểu cho bệnh nhân. Ống dài tối thiểu 40cm, Có nhiều kích thước, size số để phù hợp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	200	Cái
102	Sonde dạ dày các số	Gồm bộ phận đầu nối hình phễu và ống dây nhựa mềm dài tối thiểu 120 cm. Đầu dây mềm và tròn, trên thân ống có đánh dấu chia vạch ở 45cm, 55cm, 65cm và 75cm. Ống nối hình phễu, chống vặn xoắn, khớp với xilanh dùng để hút rửa hoặc hút dịch. Có nắp đậy chống nhiễm vào đường ống. Có nhiều size, số. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	100	Cái
103	Túi đựng nước tiểu	-Chất liệu: Nhựa PVC dùng trong y tế. -Túi có chia vạch thể tích, dung tích tối thiểu 2000ml, có dây treo. - Túi có van xả phía dưới, miệng ống 90cm, van không chảy ngược và có van kéo đẩy. Chiều dài ống dẫn dài tối thiểu 90cm. - Túi đựng 1 cái. Tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1.000	Cái
104	Dây garo	Chất liệu thun cotton, co giãn tốt. Có gai nhám	300	Cái
105	Giấy siêu âm đen trắng	Kích thước 110mmx20m, sử dụng cho máy in nhiệt của các dòng máy in nội soi, siêu âm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	300	Cuộn
106	Giấy điện tim 6 cân	Kích thước: 110mm x 140mm x 143 tờ, dùng cho máy điện tim 6 cân (Nihon Kohden). Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1.440	Tập
107	Lam kính	Chất liệu thủy tinh trung tính, trong suốt, không mốc. • Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") • Vật liệu cấu thành: kính. Loại nhám. Đóng gói trong túi PE hút chân không.	3.600	Hộp
108	Túi ép dẹp tiệt trùng	-Túi gồm một lớp giấy và một lớp phim trong suốt được ép dính bằng mép hàn dọc biên. Mép hàng túi đảm bảo kín, vững chắc. Có chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho 2 phương pháp tiệt khuẩn bằng hơi nước và khí Ethylene oxide (E.O gas). - Chất liệu giấy: + Trọng lượng giấy: 60-70 g/m ² ; + Độ thấm khí : 300 – 1.000 ml/min; + Độ thấm nước bề mặt: 9 – 30 s/10mlQ Màng film đa lớp: + Độ dày: 60µ±5; + Khả năng chịu nhiệt: 170 độ C ±5 - Chất chỉ thị: + Chỉ thị chuyển màu khi tiệt trùng bằng hơi nước hoặc khí EO. -Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5	Cuộn

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
109	Ống đặt nội khí quản không có các số	- Được làm từ chất liệu PVC mềm, chịu nhiệt, chống gấp khúc, giảm thiểu tổn thương niêm mạc khí quản. - Bóng được thiết kế hình bầu dục ít gây biến chứng và tổn thương thành khí quản. - Đầu vát, phẳng và tròn giúp việc đặt và rút ống êm ái nhất - Vòng đôi đánh dấu vị trí đặt nội khí quản chính xác _ Không có - Sản phẩm được tiệt trùng 100% bằng khí EO - Các cỡ số 2.0 – 10.0 Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10	Cái
110	Ống dẫn lưu ổ bụng	- Được làm từ chất liệu PVC mềm, chịu nhiệt, chống gấp khúc, - Ống có dạng chạc 3 giống chữ T, - Ống có nhiều kích cỡ khác nhau tùy theo mục đích sử dụng, thường nhất là 10-14Fr. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	100	Cái
111	Lưỡi dao mổ	-Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. -Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.000	Cái
112	Chỉ thép mềm đường kính các cỡ	Cuộn có chiều dài $\geq 5m$, đường kính từ 0.2 đến 2 mm, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5	Cuộn
113	Chỉ phẫu thuật không tiêu 10/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6. Đặc tính kỹ thuật: dài tối thiểu 30 cm, 2 kim tiết diện hình thang chiều dài 6.2 mm, đường kính 0.15mm, độ cong 3/8. Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Kim làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	360	Sợi
114	Chỉ không tan đơn sợi số 3/0	Số 3/0, kim tam giác 3/8C, kim 16-24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	900	Sợi
115	Chỉ không tan đơn sợi số số 4/0	Số 4/0, kim tam giác 3/8C, kim 16-24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	600	Sợi
116	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm có kim Collagen	Chỉ Catgut chrom các số dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng kim 15-26mm, kim bằng thép không gỉ, phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	420	Tép
117	Bóng đèn cực tím	Bóng dùng để lắp vào đèn cực tím treo tường, chiều dài bóng 90cm, dùng khử trùng không khí và vi khuẩn trong phòng mổ, phòng hậu phẫu	20	Cái
118	Bóng đèn hồng ngoại	Bóng đèn hồng ngoại công suất cực đại 220V/50Hz- 250W.	30	Cái
119	Đèn hồng ngoại	Chiều cao đèn tối thiểu 1,7 mét, đế rộng 16cm, dây dẫn điện tối thiểu 1,8m, vỏ đèn làm bằng inox, chóa đèn chất liệu nhôm, bóng đèn hồng ngoại.	2	Cái
120	Giấy ghi kết quả đo tim thai	Giấy dùng cho máy monitor sản khoa, kích thước giấy: 210mm x 30m x 140mm.	40	Tập
121	Giấy in nhiệt cỡ 50mm	Giấy in nhiệt dùng cho các máy xét nghiệm nước tiểu, huyết học, kích thước chiều ngang 50mm	200	Cuộn
122	Lamen kính	Chất liệu: thủy tinh trong suốt (borosilicate), kích thước 22mm x 22mm. Không mốc, không xước.	3.000	Cái
123	Đồng hồ oxy	Đồng hồ Oxy dùng để đo áp suất oxy, điều chỉnh áp suất Oxy từ bình Oxy đến người bệnh. - Điều áp loại pit tông, có lưu lượng kế và chai tạo âm - Áp suất đầu vào tối đa đạt 3000psi hoặc 4000 psi. - Phạm vi lưu lượng: 0-15 LPM / 0-10 LPM / 0-5 LPM - Sử dụng với xi lanh oxy - Đồng hồ có vạch chia độ chính xác, dễ đọc. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	10	Cái
124	Nhiệt kế thủy ngân	- Dùng đo nhiệt độ cơ thể ở miệng, nách, hậu môn. -Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát. - Khoảng đo: từ 35 độ C - 42 độ C. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	50	Cái
125	Xe lăn vận chuyển người bệnh	Vật liệu: Inox hoặc tương đương và vải giả da. Kích cỡ xe (chiều rộng $\geq 620mm$. chiều rộng khi gấp gọn $\geq 210mm$). Tỉ trọng xe ≥ 100 kg. Khung xe chất liệu inox 201. Lốp xe bằng cao su đặc. Đế chân là nhôm đúc.	3	Cái
126	Hộp đựng dụng cụ	Hộp bằng inox, có nắp, kích thước 30cmx15cmx5cm	3	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
127	Khay quả đậu	Khay bằng inox, kích thước 22cm x10cm	50	Cái
128	Máy đo nồng độ oxy máu (SPO2) trẻ em	Đảm bảo khả năng tương thích với cảm biến gốc liên quan đến độ chính xác và đặc điểm kỹ thuật - Nhiều loại cảm biến SpO2 tương thích với các loại máy monitor theo dõi bệnh nhân - Dễ dàng làm sạch và khử trùng - Các cảm biến này có các kích thước để phù hợp với nhiều bệnh nhân từ trẻ sơ sinh, trẻ em. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	1	Cái
129	Cốc nhựa cứng	Nguyên liệu: nhựa PP Màu sắc: trắng trong Kích thước: Ø60mm x 35mm Sử dụng: đựng đờm, nước tiểu của bệnh nhân	3.000	Cái
130	Máy massage	Máy massage tích hợp 2 chế độ rung mạnh, vừa và nhẹ giúp làm giảm đau nhức cơ. - Công suất tiêu thụ: 35W - Độ rung: + Mức mạnh: 2920 - 3500 rpm + Mức vừa và nhẹ: 1480 - 1750 rpm	5	Cái
131	Chân đèn hồng ngoại	Chân bằng inox, độ cao tối thiểu 1,2 mét, dùng để tương thích với đèn hồng ngoại chân cao.	5	Cái
132	Ống chống đông Natri citrat 3,8%	- Ống nghiệm nhựa, thể tích 5ml. - Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu.. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5.000	Ống
133	Ống Eppendorf	- Ống làm bằng nhựa PP, có nắp đậy liền thân. Không tiết trùng - Không có vạch chia, thể tích sử dụng tối đa 0.2ml	5.000	Cái
134	Phim Xquang khô 35x43cm (14 x17 inch)	-Kích cỡ (35x43)cm. Tương thích với máy in phim khô Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Độ dày của lớp nền phim: 170µm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4.000	Tờ
135	Phim Xquang khô 25x30cm (10 x12 inch)	- Kích thước: 25x30 cm - Công nghệ in khô, laser - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives: 0,1-15%; silver halides: 0,05-1% - Độ nhạy và độ tương phản của phim được thiết kế phù hợp với máy in phim khô laser Fujifilm Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix 7000, Drypix Edge (8000). - Phim bảo quản ở nhiệt độ 10-25 độ C nhà thầu cam kết phim đảm bảo bảo sử dụng tốt trong môi trường nhiệt độ phòng chụp X-Quang, phim luôn hoạt động tốt 24/24 cho máy in Laser. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6.000	Tờ
136	Phim Xquang răng chụp cận chóp XRray 3x4cm	Phim đảm bảo sử dụng tốt trong môi trường nhiệt độ phòng chụp X-Quang, chụp nét, dễ nhìn. - Kích thước 30x40mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	2.000	Tờ